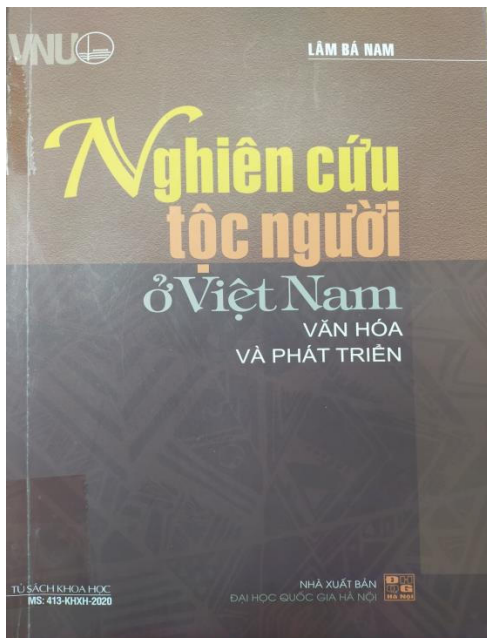

ĐỌC SÁCH

NGHIÊN CỨU TỘC NGƯỜI Ở VIỆT NAM: VĂN HÓA VÀ PHÁT TRIỂN (Lâm Bá Nam, Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội, 2020, - 682 tr.)



Trong suốt một thế kỉ qua, các nhà Nhân học tại Việt Nam đã miệt mài nghiên cứu, tìm tòi để gây dựng nên một hệ thống các cơ quan nghiên cứu, giáo dục và thực hành Nhân học trên khắp cả nước. Với vai trò là ngành khoa học nghiên cứu toàn diện về con người, Nhân học là một ngành khoa học cơ bản với bề dày lịch sử tương đối lâu đời, có chỗ đứng quan trọng không chỉ trong lĩnh vực khoa học mà còn trong xây dựng, thực thi chính sách. Nhắc tới Nhân học thì không thể không điểm tên những nhà Dân tộc học, những người đã đặt nền móng đầu tiên cho nghiên cứu về con người dưới góc độ văn hóa tộc người nói riêng và nghiên cứu Nhân học văn hóa nói chung. Nhân dịp kỉ niệm 60 năm truyền thống Khoa Nhân học, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội, một số công trình nghiên cứu của PGS.TS.NGƯT. Lâm Bá Nam đã được biên soạn, tổng hợp thành cuốn sách chuyên khảo *Nghiên cứu tộc người ở Việt Nam: Văn hóa và phát triển*.

Cuốn sách được chia thành ba phần:

Phần I: Văn hóa tộc người: Tọa độ, không gian và bối cảnh (gồm 14 bài viết);

Phần II: Văn hóa tộc người: Tiếp cận bộ phận (gồm 15 bài viết);

Phần III: Tộc người trên hành trình phát triển: Từ chính sách đến thực tiễn (gồm 21 bài viết).

Trong nội dung phần thứ nhất, hai bài đầu (“Đa dạng và thống nhất - sức mạnh nội sinh của văn hóa cộng đồng các dân tộc Việt Nam” và “Văn hóa cộng đồng các dân tộc Việt Nam trong bối cảnh văn hóa Đông Nam Á”) có thể coi là kiến thức nền tảng, có tính bao quát và là tiền đề giúp cho việc hiểu sâu hơn về văn hóa tộc người Việt Nam. Thông qua việc làm rõ sức mạnh nội sinh của văn hóa cộng đồng các dân tộc Việt Nam, tác giả đặt văn hóa cộng đồng các dân tộc Việt Nam trong cái nôi văn hóa Đông Nam Á để tìm hiểu xem liệu sức mạnh nội sinh ấy có là đủ để các dân tộc bảo vệ và phát huy mạnh mẽ bản sắc của mình hay không. Phân tích nội lực, rồi chứng minh khả năng phát huy nội lực khi chịu tác động của ngoại lực, tác giả cho người đọc một cái nhìn bao quát về văn hóa tộc người Việt Nam - đa dạng, thống nhất, hay là sự “thống nhất trong đa dạng”.

Để làm rõ quan điểm về văn hóa Việt Nam, tác giả trình bày bốn quan niệm phổ biến. Quan niệm thứ nhất, đồng nhất văn hóa Việt Nam với văn hóa của người Việt (Kinh), coi văn hóa người Việt đại diện cho văn hóa quốc gia. Quan niệm thứ hai cho rằng, văn hóa Việt Nam là toàn bộ văn hóa các dân tộc cư trú trên lãnh thổ Việt Nam, chỉ có văn hóa từng tộc người, không có văn hóa dân tộc/quốc gia. Hay nói cách khác, văn hóa tộc người hợp thành văn hóa Việt Nam. Quan niệm thứ ba khẳng định, văn hóa Việt Nam là văn hóa cộng đồng dân tộc/quốc gia và được thống nhất trên cơ sở đa dạng sắc thái văn hóa tộc người. Quan niệm thứ tư một mặt thừa nhận sự tồn tại của văn hóa quốc gia và văn hóa tộc người khi chỉ ra rằng văn hóa quốc gia được hình thành trên cơ sở gắn kết các tộc người trong quá trình phát triển của quốc gia, dân tộc xuyên suốt quá trình dựng nước và giữ nước; mặt khác quan niệm này cũng chỉ ra rằng, việc gắn kết các tộc người suốt chiều dài lịch sử chính là cơ sở giúp hình thành đặc điểm văn hóa chung của cộng đồng dân tộc - quốc gia (đây được cho là quan niệm phổ biến ở Việt Nam hiện nay).

Khi bàn về đặc trưng của văn hóa Đông Nam Á, tác giả cho rằng đó là sự “thống nhất trong đa dạng” và quá trình hội tụ bắt nguồn từ những trung tâm khác nhau nên mang tính “đa tuyến trong sự tiếp xúc đan xen nhiều chiều, tạo nên những đường đồng quy, những cơ chế văn hóa tộc người đa thành phần” (tr. 21), theo tác giả văn hóa Việt Nam như một Đông Nam Á thu nhỏ, độc đáo và đầy màu sắc,

được thể hiện trong sự đa dạng của văn hóa tộc người, văn hóa nhóm ngôn ngữ - tộc người và văn hóa nhóm địa phương của tộc người. Tuy có nhiều nét chung với các quốc gia khác trong khu vực Đông Nam Á và việc văn hóa Việt Nam thống nhất trên cơ sở văn hóa Đông Nam Á là một điều tất yếu, nhưng văn hóa Việt Nam vẫn có những nét riêng.

Tác giả cũng chỉ ra rằng, văn hóa cộng đồng của các dân tộc Việt Nam là sản phẩm, là kết quả của quá trình dựng nước và giữ nước của các thế hệ người Việt Nam từ đa số đến các dân tộc thiểu số (tr. 32). Nguồn sức mạnh nội sinh của văn hóa cộng đồng dân tộc nước ta được hình thành và gìn giữ suốt từ thời kì dựng nước cho tới ngày nay. Bản sắc văn hóa đã được nuôi dưỡng ngay khi hình thành những trung tâm văn minh và nhà nước đầu tiên là văn hóa Đông Sơn ở phía Bắc (Nhà nước Văn Lang - Âu Lạc), văn hóa Sa Huỳnh ở miền Trung (Nhà nước Chăm Pa) và văn hóa Óc Eo ở Nam Bộ (Nhà nước Phù Nam). Bản sắc văn hóa ấy có quá trình phát triển gắn liền với lịch sử đấu tranh chống ngoại xâm, với quá trình xây dựng đất nước, với quá trình tiếp biến và giao thoa văn hóa với rất nhiều những thành tựu, những cột mốc quan trọng và các sáng tạo văn hóa vật thể - phi vật thể.

Trong bối cảnh hiện nay, theo tác giả, việc bảo tồn và phát huy văn hóa dân tộc có thể được coi là công tác quan trọng nếu không muốn nói là quan trọng bậc nhất, vì sự tồn tại của văn hóa có mối quan hệ mang tính sống còn đối với sự tồn vong của một quốc gia/dân tộc. Đặc biệt là khi hiện nay, Việt Nam đã gia nhập nhiều tổ chức toàn cầu, thực hiện chính sách mở cửa và xúc tiến toàn cầu hóa, việc giải quyết hài hòa mối quan hệ giữa yếu tố truyền thống và hiện đại, giữa hội nhập và bản sắc là điều cần được lưu tâm hơn cả. Trước bối cảnh ấy, nhìn lại đặc trưng của nghiên cứu Nhân học khi định hướng nghiên cứu so sánh và khả năng kết hợp cả quan điểm chủ quan (etic) và khách quan (emic), Nhân học đóng vai trò quan trọng trong việc đánh giá các giá trị truyền thống để từ đó xác định các vấn đề cốt lõi cần được bảo tồn của văn hóa dân tộc. Đây chính là nội dung được tác giả đề cập đến trong bài viết “Nhân học và bản sắc dân tộc: Bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa Việt Nam trong thời kì toàn cầu hóa”.

Trong phần này, để làm rõ tọa độ, không gian và bối cảnh của văn hóa tộc người, nhiều bài viết của tác giả đã được trải rộng về không gian và bối cảnh, từ sự

khái quát văn hóa khu vực đồng bằng đến các địa bàn cụ thể như tỉnh Hà Tây (cũ), Thanh Hóa, huyện Tiền Hải (tỉnh Thái Bình), từ những di sản lịch sử văn hóa, đặc trưng văn hóa truyền thống của các dân tộc thiểu số đến việc phát huy những giá trị này để phát triển du lịch.

Phần thứ hai gồm các bài viết mang tính tiếp cận bộ phận. Các bài viết trong phần này bao gồm:

- Đôi nét về người Arem ở miền Tây huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình;
- Về địa vực cư trú của người Mường trong lịch sử;
- Tín ngưỡng Hùng Vương trong đời sống văn hóa của người Mường;
- Hình tượng Tản Viên trong đời sống văn hóa của người Mường;
- Người Mường ở Ba Vì (Những ghi chép Dân tộc học);
- Nghi lễ xuống ruộng của người Mường xã Thịnh Lang (tỉnh Hòa Bình);
- Văn hóa Khơ me: Môi trường, sinh kế và ẩm thực;
- Văn hóa Ê Đê - Tiếp cận từ ngôi nhà dài;
- Văn hóa làng nghề: từ truyền thống đến hiện đại;
- Thủ công nghiệp Hải Phòng thời cận đại;
- Nghề dệt cỏ truyền làng La Khê;
- Nghề dệt cỏ truyền ở Hà Đông (tỉnh Hà Sơn Bình);
- Di sản nghề dệt cỏ truyền ở Việt Nam: Truyền thống, kế thừa và phát triển;
- Tình hình nghiên cứu người Dao ở Việt Nam;
- Giao lưu văn hóa tộc người ở vùng biên giới Việt - Trung.

Các bài viết trong phần II chủ yếu tập trung xoay quanh các dân tộc thiểu số ở khu vực miền núi phía Bắc và khu vực Tây Nguyên, đây cũng có thể coi là hai khách thể nghiên cứu chính của tác giả. Với hiểu biết sâu rộng và sự am hiểu về các địa bàn nghiên cứu, tác giả cung cấp những kiến thức, kinh nghiệm thu thập được trong nhiều năm thực địa về sinh kế, đời sống văn hóa, xã hội của các dân tộc và các địa bàn nghiên cứu.

Phần III là phần có dung lượng dài nhất của cuốn sách. Nội dung các bài viết trong phần này chủ yếu xoay quanh sự phát triển của tộc người tại Việt Nam nhìn từ hai góc độ: chính sách và thực tiễn. Ở đầu phần III (Nghiên cứu chính sách dân tộc: Thành tựu và những vấn đề đang đặt ra), tác giả đã khái quát tình hình nghiên cứu chính sách dân tộc chia thành các giai đoạn: trước năm 1975; từ năm

1975 đến năm 1986 và thời kì Đổi mới, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Trong đó, tác giả chỉ ra các vấn đề lí luận và thực tiễn của chính sách dân tộc trong suốt 30 năm thực hiện công cuộc đổi mới, liên quan đến thành phần dân tộc (nhận thức và tái nhận thức); hay nhiệm vụ cần quán triệt trong chính sách phát triển đối với các tộc người thiểu số. Qua đó theo tác giả, một quốc gia đa dân tộc phải có chính sách linh hoạt; coi con người và văn hóa là động lực cho sự phát triển; đặt vấn đề phát triển con người và nguồn nhân lực là vấn đề quan trọng hàng đầu trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội. Muốn làm được điều đó thì trước hết cần phải chú trọng nâng cao chất lượng dân số, cải thiện các điều kiện của môi trường phát triển nhân lực. Trong đó, việc từng bước xóa bỏ những bất cập trong công tác giáo dục - đào tạo được coi là việc cần phải làm trước tiên.

Trong phần này, nhiều chính sách cho đồng bào dân tộc thiểu số cũng được tác giả đề cập tới qua các bài viết như: chính sách an sinh xã hội, chính sách tín ngưỡng, tôn giáo, chính sách đối với ngôn ngữ các dân tộc thiểu số, chính sách dân tộc và chính sách phát triển,... Ngoài ra, nhiều vấn đề khác cũng được bàn đến trong các bài viết ở phần III như vấn đề quan hệ tộc người; hoạt động văn hóa du lịch với bảo tồn văn hóa địa phương; phát triển nguồn nhân lực, đặc biệt là nguồn nhân lực trí tuệ tinh thần trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc; quan điểm phát triển kinh tế thị trường, hội nhập quốc tế và ảnh hưởng của chúng đến chính sách, pháp luật Việt Nam đối với dân tộc thiểu số.

Cuốn sách đã tổng hợp có chọn lọc những bài viết, những công trình nghiên cứu của PGS.TS. NGUYỄN T. LÂM BÁ NAM. Qua đó, đem đến cho người đọc cái nhìn vừa bao quát vừa cụ thể về quá trình nghiên cứu tộc người ở Việt Nam. Có thể nói, đây là cuốn sách không chỉ có ý nghĩa đối với những người học tập, giảng dạy, nghiên cứu về tộc người ở Việt Nam mà còn có ý nghĩa với cả những nhà hoạch định và xây dựng chính sách dân tộc ở nước ta hiện nay.

Đặng Thị Quỳnh Anh